

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư (Bên A): Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần.
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu (Bên B): _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu; 3. Hồ sơ mời thầu; 4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần - Địa chỉ: Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Điện thoại: 0254 392 4436; Fax: 0254 392 4437
E-ĐKC 5.2	Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng: <ol style="list-style-type: none"> 1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A một Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 5% giá trị của hợp đồng. 2. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên B có thể chọn một trong các hình thức sau: nộp tiền mặt trực tiếp tại văn phòng Bên A, chuyển khoản hoặc dưới hình thức Thư bảo lãnh của Ngân hàng (phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang) và phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về việc thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng này. 3. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành (nếu có). Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

	<p>4. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị nêu trên và có hiệu lực phù hợp, nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trước 07 ngày lịch tính đến ngày hết hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng mà Chủ đầu tư không nhận được văn bản gia hạn thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu 100% số tiền Bảo đảm thực hiện hợp đồng nói trên của Nhà thầu.</p> <p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Trong trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để bồi thường thì thực hiện bồi thường theo thiệt hại thực tế.</p> <p>6. Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; - Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; - Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; <p><i>(Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh).</i></p>
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trường hợp Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thì Bên A hoàn trả số tiền nêu trên bằng chuyển khoản cho Bên B cùng với thời gian thanh toán đợt cuối cùng của hợp đồng.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)]</i> .
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 11	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh</p>

	toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không tạm ứng.
E-ĐKC 13.1	<p>Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán chuyển khoản cho Bên B giá trị quyết toán mỗi đợt trong vòng 60 ngày lịch kể từ ngày Bên A nhận đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản xác nhận khối lượng thực hiện mỗi đợt (bản gốc). + Biên bản quyết toán và nghiệm thu hoàn thành công việc theo từng đợt (bản gốc). + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc). + Giấy bảo hành dịch vụ (bản gốc) + Hoá đơn GTGT theo quy định. + Thư bảo lãnh bảo hành có hiệu lực và theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Mẫu 14A - Hợp đồng (bản gốc). <p>Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.</p>
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: không áp dụng.
E-ĐKC 15	<p>1. Phạt vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì bất kỳ lý do gì (ngoại trừ nguyên nhân bất khả kháng), Bên B không đáp ứng tiến độ huy động và không đáp ứng được tiến độ thực hiện công việc theo đúng thời hạn quy định tại Mục 1 Chương V HSMT thì Bên B bị phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ; tổng số các lần phạt không quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Đồng thời, Bên B sẽ không được thanh toán chi phí cho các ngày phát sinh do vi phạm thời gian thực hiện công việc theo quy định của hợp đồng (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác). - Nếu sau 02 ngày lịch kể từ ngày đến hạn thực hiện công việc/hoàn thành công việc quy định mà Bên B vẫn không thực hiện/không hoàn tất công việc theo thời gian quy định tại Điều 7, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên B và trong trường hợp này, Bên B bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị chấm dứt (<i>trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác</i>). <p>2. Phạt vi phạm chất lượng dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Bên B không hoàn thành hạng mục công việc hoặc chất lượng công việc không đạt yêu cầu nêu ở Điều 1 thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (<i>trừ trường hợp</i>

hai Bên có thỏa thuận khác):

- + Ngừng thực hiện công việc, chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
- + Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí, việc thực hiện lại công việc đúng chất lượng phải đảm bảo trong thời hạn quy định tại Điều 7 của hợp đồng. Trường hợp công việc làm lại đạt chất lượng nhưng quá thời hạn nêu tại Điều 7 của hợp đồng thì sẽ xử lý như quy định tại Khoản 1 Điều này.
- + Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí. Trường hợp công việc làm lại vẫn không đáp ứng yêu cầu theo Điều 1 thì Bên A có quyền tự tổ chức thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan và chịu phạt 8% giá trị phần dịch vụ không đạt chất lượng. Trong trường hợp Bên B từ chối trách nhiệm hợp đồng thì Bên A có quyền tuyên bố chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, đồng thời, Bên B phải chịu các chi phí cho việc Bên A tự tổ chức thực hiện hoặc thuê đơn vị khác khắc phục các vi phạm nêu trên

3. Phạt vi phạm chất lượng hàng hóa/chứng chỉ chất lượng

- Nếu kết quả nghiệm thu xác nhận chất lượng hàng hóa không đạt hoặc quy cách (thông số kỹ thuật, model, nhà sản xuất) của sản phẩm không đúng yêu cầu nêu ở Điều 1 hoặc cung cấp chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) không đáp ứng quy định thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (*trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác*):
 - + Trả lại hàng, chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
 - + Yêu cầu Bên B đổi hàng đạt chất lượng, đúng quy cách mà không được tính thêm chi phí. Việc đổi, giao lại hàng phải đảm bảo trong thời hạn quy định tại Điều 7 của hợp đồng. Trường hợp hàng được giao lại quá thời hạn nêu tại Điều 7 của hợp đồng thì sẽ xử lý như quy định tại Khoản 1 Điều này (*trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác*).
 - + Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu (bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí nhân công, vật tư, chi phí khác để thực hiện điều chỉnh) đồng

	<p>thời Bên B phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) do việc cung cấp hàng hóa không đáp ứng theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>+ Trong trường hợp Bên B từ chối trách nhiệm hợp đồng thì Bên A có quyền tuyên bố chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, đồng thời Bên B phải chịu các chi phí cho việc Bên A thuê đơn vị khác khắc phục các vi phạm nêu trên (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác).</p> <p>4. <i>Phạt vi phạm xuất xứ hàng hóa/Chứng chỉ xuất xứ/Tờ khai hải quan hàng hóa:</i></p> <p>Nếu hàng được giao không đúng xuất xứ theo quy định trong hợp đồng hoặc không cung cấp được Chứng chỉ xuất xứ/Tờ khai hải quan theo quy định trong hợp đồng thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (<i>trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác</i>):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lại hàng, chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm; - Nhận hàng và phạt Bên B 8% giá trị hàng hóa không đúng xuất xứ/không có chứng chỉ xuất xứ/không có tờ khai hải quan. - Đòi hàng đúng xuất xứ theo quy định trong hợp đồng/cung cấp Chứng chỉ xuất xứ/Tờ khai hải quan theo quy định trong hợp đồng. <p>5. <i>Phạt vi phạm nội quy, quy định:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp nhân sự của Bên B vi phạm nội quy, quy định về an toàn lao động, bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và các quy định nội bộ khác của Bên A và/hoặc của đơn vị quản lý thiết bị, công trình tại địa điểm thực hiện công việc, vi phạm việc chấp hành sự điều động, chỉ huy, giám sát công việc của Bên A thì Bên B sẽ bị lập biên bản vi phạm và bị phạt 5.000.000 VND/ mỗi trường hợp vi phạm (mỗi nhân sự không vi phạm vượt quá 1 lần và tổng số lần vi phạm của Bên B không được vượt quá 3 lần). - Trường hợp Bên B vi phạm vượt quá quy định thì Bên A có quyền xem xét yêu cầu nhân sự của Bên B ngừng thực hiện công việc và Bên B bị phạt 8% giá trị phần công việc vi phạm (<i>trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác</i>). <p>6. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục E-ĐKC 19. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách</p>
--	---

nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

7. Bên nào đơn phương chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng (trừ lý do bất khả kháng và điều kiện Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều này) thì phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, thực hiện bồi thường theo quy định của hợp đồng.
8. Trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng (nếu có) theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều này thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản trước ít nhất 02 ngày làm việc.
9. Ngoài việc phạt vi phạm theo các trường hợp quy định tại Điều này, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 8 Điều này.

Ghi chú:

- Giá trị hợp đồng làm căn cứ để tính phạt vi phạm hợp đồng là giá chưa bao gồm thuế GTGT.
- Nếu việc thực hiện lại công việc nêu tại khoản 2 Điều này làm chậm tiến độ hoàn thành công việc so với thời hạn do Bên A yêu cầu thì Bên B vẫn phải chịu phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này.
- Bên A có quyền cản trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) trong bất kỳ hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B. Trong trường hợp giá trị cản trừ lớn hơn giá trị hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B thì Bên B vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện thanh toán theo giá trị cản trừ thực tế.
- Trường hợp có thông tin xác thực từ nhà sản xuất (bằng văn bản hoặc email) về việc hàng hóa cung cấp không do nhà sản xuất chế tạo thì Bên A có quyền xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này.

10. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục E-ĐKC 16 của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hợp đồng thì ngoài việc bị phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Mục này của hợp đồng Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A, bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên A phải chịu do Bên B vi phạm hợp đồng gây ra và khoản lợi mà Bên A đáng lẽ được hưởng

	nếu không có hành vi vi phạm mà bên vi phạm hợp đồng gây ra.
E-ĐKC 17.1(c)	<p>Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng:</p> <p>1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung hạng mục công việc/hạng mục hàng hóa cần thiết ngoài phạm vi công việc/hàng hóa quy định trong hợp đồng. - Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng. - Các trường hợp khác do các bên thỏa thuận. <p>2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết hợp đồng sửa đổi bổ sung.</p>
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Nhà thầu thực hiện công việc theo yêu cầu của E-HSMT này đảm bảo chất lượng thực hiện dịch vụ và các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Trong vòng tối đa 03 ngày lịch hoặc theo yêu cầu công việc cụ thể.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. - Giải quyết tranh chấp: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. + Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện thông qua Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán đúng hạn cho Bên B. Nếu quá thời hạn nêu ở ĐKC 13.1 mà Bên A chậm chuyển trả thì Bên A sẽ chịu phạt trả lãi trên những ngày chậm trả thực tế theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Mỹ tại thời điểm thanh toán.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu và thanh toán nếu Bên B không thực hiện đúng nội dung được duyệt/được hai Bên thỏa thuận hoặc không thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng.
- Hướng dẫn, phổ biến an toàn điện, an toàn thủy cơ nhiệt hóa, an toàn vệ sinh lao động, nội quy, quy định tại công trường cho nhân sự Bên B (theo danh sách Bên B cung cấp) trước khi thực hiện công việc.
- Cử đại diện có đủ thẩm quyền để giám sát kỹ thuật quá trình thi công, nghiệm thu, và giải quyết những phát sinh, vướng mắc (nếu có) xảy ra khi được thông báo.
- Xem xét và thực hiện các kiến nghị của Bên B sau khi bảo dưỡng về các vật tư cần thay thế.
- Cung cấp cho Bên B những tài liệu kỹ thuật (nếu có) có liên quan đến việc thi công công trình.
- Tiến hành các thủ tục ra vào cổng cho người của Bên B (theo danh sách do Bên B cung cấp). Bên A sẽ cấp phát thẻ ra vào cho nhân viên của Bên B sau khi đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo an toàn (nếu có). Nhân viên của Bên B phải xuất trình thẻ ra vào cho nhân viên bảo vệ để kiểm tra và xác nhận.
- Bên A hỗ trợ cung cấp nguồn điện cho các thiết bị phục vụ trong quá trình thực hiện công việc. Bên B tự trang bị các thiết bị để đấu nối vào nguồn cung cấp điện đến khu vực thực hiện dịch vụ đảm bảo sử dụng tiết kiệm.
- Bên A có quyền ngừng công tác của Bên B nếu nhận thấy trong quá trình thực hiện công việc Bên B không đảm bảo an toàn, kỹ thuật hoặc không theo các quy định tại công trường, các chi phí phát sinh liên quan đến việc ngừng thực hiện công việc của Bên B trong thời gian này do Bên B tự chi trả.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định về an toàn, các nội quy, quy định tại nơi làm việc của Bên A.
- Bên B phải gửi văn bản thông báo giao hàng cho Bên A tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi giao hàng. Trong thông báo cần nêu rõ tên hàng/hạng mục hàng hóa, số lượng, khối lượng, kích thước hàng sẽ giao để Bên A bố trí kho bãi, nhân sự cho việc nhận hàng.
- Giao hàng đúng quy cách, chất lượng, xuất xứ, số lượng yêu cầu tại Điều 1 của hợp đồng này và cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ quy định tại ĐKC và ĐKCT cho Bên A. Trường hợp Bên B không thực hiện đúng các quy định nêu trên thì Bên A sẽ tiến hành đánh giá uy tín và xem xét năng lực của Bên B khi Bên B tham dự thầu các gói thầu tiếp theo của Bên A.
- Bảo hành hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại ĐKC và ĐKCT.
- Hàng hóa chào thầu đảm bảo lắp đặt tương thích, sử dụng phù hợp với hệ thống hiện hữu của Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2.
- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B trình phương án, biện pháp thi công dịch vụ khi thực hiện công việc bao gồm các nội dung:
 - + Phương án kỹ thuật chi tiết (cách thức, thao tác thực hiện, phương án che chắn đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường);
 - + Thời gian làm việc, lịch làm việc;
 - + Nhân sự thực hiện công việc: thể hiện chi tiết sơ đồ tổ chức, các chức danh/vị trí làm việc tương ứng của các nhân sự;
 - + Tiến độ chi tiết thực hiện công việc từng ngày;
 - + Hạng mục công việc thực hiện;
 - + Cung cấp danh mục vật tư, danh sách dụng cụ chuyên dùng, máy móc thi công, xe chuyên dùng sử dụng trong công tác (đối với các công cụ dụng cụ chuyên dùng yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thì phải có giấy kiểm định và còn hiệu lực);
 - + Phương án an toàn trong công tác.
- Hàng ngày, Bên B phải lập nhật ký thi công (gồm công việc thực hiện trong ngày, hình ảnh thi công, nhân sự thi công, CCDC sử dụng, vật tư sử dụng, kế hoạch thực hiện ngày tiếp theo, công tác an toàn,...) và gửi Bên A xác nhận.
- Thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 03 ngày làm việc về danh sách nhân sự và vật tư, thiết bị mang vào công trường thi công để Bên A làm thủ tục ra vào công.
- Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị thi công và biện pháp thi công phải đảm bảo an toàn tuyệt đối, đúng tiến độ, không ảnh hưởng đến các công trình hiện hữu khác, nếu có hư hỏng xảy ra trong quá trình thi công thì Bên B phải khắc phục nguyên trạng hoặc chi trả bồi thường thiệt hại bằng kinh phí của mình mà không tính phát sinh.

- Bên B có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ nhân sự của người lao động cho Bên A trước khi làm thủ tục cấp thẻ ra vào công chính và khu vực làm việc. Hồ sơ nhân sự tối thiểu bao gồm: bản sao Căn cước công dân; Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê, mượn lại lao động của các đơn vị/tổ chức có chức năng; Giấy khám sức khỏe còn hiệu lực; Bảo hiểm tai nạn lao động 24/24; Thẻ an toàn và Quyết định công nhận kết quả đào tạo người hướng dẫn theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP; bằng cấp chuyên môn hoặc giấy chứng nhận phù hợp đối với từng vị trí công việc (như: công tác giàn giáo, thợ điện, thợ hàn, người vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, v.v.); và văn bản phân công nhiệm vụ của Bên B. Các bản sao trong hồ sơ phải được đóng dấu xác nhận của Bên B và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ đã cung cấp.
- Trường hợp hồ sơ nhân sự không đầy đủ, không hợp lệ, không được đóng dấu xác nhận của Bên B hoặc hết hiệu lực, Bên A có quyền từ chối cấp thẻ ra vào, không cho phép người lao động vào làm việc và yêu cầu Bên B bổ sung, hoàn thiện; mọi ảnh hưởng đến tiến độ, chi phí phát sinh do việc chậm trễ này thuộc trách nhiệm của Bên B.
- Bên B có trách nhiệm trang bị đầy đủ, đúng chủng loại và đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với toàn bộ người lao động của mình trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Tối thiểu bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ (nón) bảo hộ, giày bảo hộ và kính bảo hộ, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của từng công việc cụ thể.
- Bên B phải tổ chức kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm yêu cầu người lao động sử dụng đầy đủ, đúng cách phương tiện bảo vệ cá nhân trong suốt thời gian làm việc tại Nhà máy/công trường. Mọi hành vi không trang bị, trang bị không đầy đủ hoặc không sử dụng đúng quy định đều được xem là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ an toàn lao động của Bên B.
- Trường hợp Bên B không trang bị đầy đủ hoặc người lao động không chấp hành việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định, Bên A có quyền yêu cầu dừng công việc, đình chỉ thi công để khắc phục; mọi chi phí, thiệt hại và hậu quả phát sinh do việc dừng công việc thuộc trách nhiệm của Bên B.
- Bên B có nghĩa vụ chấp hành và tổ chức quán triệt để người lao động của mình thực hiện nghiêm túc toàn bộ các quy định, quy chế và hướng dẫn nội bộ của Bên A đang áp dụng tại từng thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn các quy định, quy trình về an toàn, an ninh, sức khỏe, môi trường như: quy định cấp phiếu công tác/lệnh công tác/giấy phép làm việc, làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế, các công việc có phát sinh nguồn nhiệt (hàn, cắt...) và các quy định liên quan khác.
- Bên B có trách nhiệm bố trí nhân sự an toàn, vệ sinh lao động (HSE) để thực hiện công tác quản lý, giám sát an toàn, sức khỏe và môi trường trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Trường hợp tổng số lao động của Bên B làm việc tại Nhà

máy/công trường của Bên A từ 50 người trở lên, Bên B phải bố trí tối thiểu 01 nhân sự HSE chuyên trách có đủ năng lực, kinh nghiệm và được đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhân sự HSE của Bên B phải có mặt xuyên suốt tại hiện trường, chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các quy định và phối hợp với Bên A trong công tác an toàn lao động. Trường hợp Bên B không bố trí hoặc bố trí không đầy đủ nhân sự HSE theo quy định nêu trên, Bên A có quyền từ chối cho phép triển khai công việc, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ thi công cho đến khi Bên B khắc phục đầy đủ.

- Trường hợp tổng số lao động của Bên B làm việc tại Nhà máy/công trường của Bên A từ 20 người trở lên, Bên B phải bố trí các cơ sở vật chất tạm thời cho nhân viên của mình như nhà vệ sinh di động, nước uống khu vực nghỉ ngơi, văn phòng, v.v theo quy định của pháp luật.
- Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Bên B phải được Bên B thu gom, vận chuyển và lưu giữ tạm thời theo yêu cầu bên A hoặc Nhà máy để xử lý thông qua đơn vị có chức năng, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; việc quản lý, chuyển giao chất thải phải có hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo quy định.
- Bên B có trách nhiệm bố trí đầy đủ thùng chứa chất thải tại khu vực làm việc, sinh hoạt và tập kết vật tư; tổ chức phân loại, thu gom rác thải tại nguồn theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định, hướng dẫn nội bộ của Bên A đang áp dụng tại từng thời điểm.
- Bên B tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc liên quan đến việc không cho phép rượu hoặc ma túy, thuốc lá, vũ khí và tuân theo các cuộc kiểm tra thường xuyên theo yêu cầu của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm trang bị đầy đủ phương tiện, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư và phương tiện bảo vệ cá nhân phục vụ thi công, thực hiện dịch vụ theo đúng phạm vi công việc của Hợp đồng; bảo đảm các phương tiện, thiết bị này đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, an toàn, chất lượng theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện làm việc tại Nhà máy/khu vực của Bên A. Đối với các máy móc, thiết bị thuộc Danh mục thiết bị, vật tư có yêu cầu thử nghiệm/hiệu chuẩn/kiểm định theo quy định hiện hành, Bên B phải thực hiện thử nghiệm/hiệu chuẩn/kiểm định theo quy định, bảo đảm còn hiệu lực kiểm định trong suốt quá trình thi công và cung cấp đầy đủ hồ sơ thử nghiệm/hiệu chuẩn/kiểm định cho Bên A trước khi được phép sử dụng.
- Khi thực hiện dịch vụ, nhân sự của Bên B phải đảm bảo được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân, bao gồm: Quần áo bảo hộ lao động theo đồng phục, áo phản quang, mũ bảo hộ, giày bảo hộ, kính bảo hộ, khẩu trang và găng tay làm việc, dây đeo an toàn theo tiêu chuẩn TCVN 5308:1991 và các nhân sự này phải được mua bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm nghề nghiệp,...theo quy định pháp luật (nếu cần).
- Bên B phải đảm bảo nhân sự thực hiện công việc đã được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo Quy định của pháp luật hiện hành (Nhóm 3 theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP).
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của toàn bộ nhân sự và hồ sơ, tài liệu, chứng từ do Bên B cung cấp trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

- Bên B phải phối hợp với Bên A xử lý các sự cố (nếu có) trong quá trình thi công.
- Bên B có trách nhiệm thu dọn, vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công và bàn giao trả lại mặt bằng cho Bên.
- Bên B có trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhằm không để phát sinh ô nhiễm môi trường, bao gồm: rò rỉ, tràn đổ, phát tán bụi, mùi, tiếng ồn, nước thải hoặc các tác động tiêu cực khác ảnh hưởng đến môi trường, con người và hoạt động sản xuất của Bên A.
- Trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc vi phạm quy định về bảo vệ môi trường do lỗi của Bên B và/hoặc người lao động của Bên B gây ra, Bên B có trách nhiệm kịp thời khắc phục, chịu toàn bộ chi phí xử lý và bồi thường thiệt hại, đồng thời chịu mọi trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật và các điều khoản của Hợp đồng.
- Nhân sự của Bên B khi ra vào làm việc tại địa điểm của Bên A phải mang theo bản gốc Thẻ An toàn - Vệ sinh lao động, phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về an toàn điện, an toàn - vệ sinh lao động, bao gồm nhưng không giới hạn bởi quy định của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH và các văn bản Pháp luật liên quan. Đồng thời, nhân sự của Bên B phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ nội quy lao động, quy định tại nơi làm việc và thực hiện đúng theo hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A.
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của Pháp luật đối với nhân sự của Bên B trong quá trình thực hiện công việc.
- Đảm bảo việc thực hiện hợp đồng không làm ảnh hưởng, thiệt hại đến tài sản, sức khỏe, tính mạng con người của Bên A và/hoặc Bên thứ ba; nếu có hư hại, mất mát tài sản, sức khỏe, tính mạng con người của Bên A và/hoặc Bên thứ ba do lỗi của bên B thì bên B phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
- Bên B phải đảm bảo an toàn trong công tác, đồng thời Bên B phải chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, thiết bị, máy móc của Bên B trong quá trình thi công.
- Bên B có trách nhiệm lập và trình Bên A Phương án kiểm soát an toàn, an ninh, sức khỏe, môi trường (HSE) phù hợp với phạm vi công việc, điều kiện thực tế, quy mô và mức độ rủi ro của từng hạng mục. Phương án này phải được Bên A xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thi công.
- Phương án kiểm soát HSE tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:
 - + Nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro về an toàn, an ninh, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường đối với từng công việc/hạng mục;
 - + Biện pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức nhằm phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro HSE;

- + Biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự, kiểm soát người và phương tiện ra/vào khu vực làm việc;
 - + Quy định về trang bị, sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân và thiết bị an toàn;
 - + Biện pháp kiểm soát đối với các công việc có nguy hiểm cao (làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế, công việc nóng, nâng hạ – cầu lắp, vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, v.v.);
 - + Phương án phòng ngừa, ứng phó và xử lý sự cố, tai nạn lao động, cháy nổ và sự cố môi trường;
 - + Biện pháp bảo vệ môi trường: quản lý chất thải, kiểm soát bụi, tiếng ồn, nước thải, hóa chất và phòng ngừa sự cố môi trường;
 - + Cơ cấu tổ chức HSE, phân công trách nhiệm cụ thể cho chỉ huy công trường, cán bộ HSE và các cá nhân liên quan;
 - + Kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, giám sát và báo cáo việc tuân thủ các yêu cầu HSE trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên B chỉ được phép triển khai công việc sau khi Phương án kiểm soát HSE đã được Bên A chấp thuận và có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt đầy đủ nội dung Phương án cho toàn bộ người lao động của mình và các đơn vị phụ trợ (nếu có). Trong quá trình thực hiện, Bên B phải thường xuyên rà soát, cập nhật Phương án khi có thay đổi về biện pháp thi công, điều kiện làm việc hoặc phát sinh rủi ro mới và phải được Bên A chấp thuận trước khi áp dụng.
 - Bên B chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát việc tuân thủ Phương án kiểm soát HSE; kịp thời khắc phục các tồn tại, vi phạm. Bên A có quyền kiểm tra, giám sát, yêu cầu điều chỉnh Phương án và tạm dừng hoặc đình chỉ công việc trong trường hợp Phương án không được thực hiện hoặc không đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh, sức khỏe, môi trường
 - Bên B có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn điện, phòng cháy và chữa cháy, phòng chống cháy nổ; đồng thời chấp hành đầy đủ các quy định, nội quy và mệnh lệnh an toàn do Bên A ban hành trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
 - Bên B phải đảm bảo người lao động của mình được huấn luyện, phổ biến các quy định về PCCC, nắm rõ phương án PCCC, lối thoát nạn, vị trí tập kết của Nhà máy; bố trí đầy đủ nhân lực tham gia các đợt diễn tập PCCC và cứu nạn, cứu hộ (PCCC & CNCH) do Bên A tổ chức khi có yêu cầu.
 - Bên B không được tự ý sử dụng, di chuyển, tháo dỡ, can thiệp hoặc kích hoạt các phương tiện, thiết bị, hệ thống PCCC của Nhà máy để phục vụ mục đích riêng khi chưa được Bên A cho phép, trừ trường hợp cần thiết để ứng phó kịp thời với sự cố khẩn cấp.

- Đối với các công việc có nguy cơ cháy nổ cao (như hàn, cắt, gia nhiệt, sử dụng nguồn nhiệt, nguồn lửa, hóa chất dễ cháy...), Bên B có trách nhiệm trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy di động phù hợp với tính chất chất cháy, quy mô và mức độ rủi ro của công việc; tổ chức đánh giá rủi ro về cháy nổ và chỉ được triển khai thi công khi đã được Bên A chấp thuận và cấp phép làm việc theo quy định của Nhà máy/công trường.
- Khi xảy ra cháy, nổ hoặc sự cố có nguy cơ cháy nổ, Bên B có trách nhiệm kịp thời thông báo cho Bên A và phối hợp chặt chẽ với lực lượng PCCC của Nhà máy để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo sự chỉ huy, điều hành của Chỉ huy PCCC & CNCH.
- Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về PCCC, gây mất an toàn hoặc tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ, Bên A có quyền đình chỉ công việc, yêu cầu Bên B khắc phục hậu quả và/hoặc xử lý theo các điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.
- Trường hợp nhân viên Bên B có hành vi vi phạm kỷ luật lao động quy định trong Nội quy lao động của Bên A, thì Bên B phải phối hợp với Bên A xác minh sự việc/hành vi vi phạm. Đồng thời, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ nhân sự mà không phải bồi thường và/hoặc chịu bất kỳ chi phí phát sinh nào.
- Trường hợp nhân viên Bên B làm hư hỏng, mất dụng cụ, thiết bị, máy móc và/hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản của Bên A và/hoặc gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác, nhân viên Bên B phải phối hợp với Bên A trong quá trình điều tra, xác minh thiệt hại và tuân thủ quyết định về việc thay thế nhân viên Bên B (nếu có).
- Ngoài các trường hợp quy định tại nêu trên, Bên B phải đảm bảo nhân viên tuân thủ Nội quy lao động, quy chế nội bộ khác do Bên A ban hành và được chỉnh sửa tại từng thời điểm.
- Trước và sau mỗi giai đoạn thực hiện Bên B phải mời Bên A nghiệm thu xác nhận đạt mới được thực hiện giai đoạn tiếp theo.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.
- Bên B không có quyền chuyển nhượng bất kỳ quyền lợi hoặc nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này cho Bên thứ 3 nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.
- Bên B phải bảo vệ tài sản và bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ của Bên A, không tự ý tiếp cận, tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ của Bên A mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Nhân sự của Bên B không được chụp ảnh trong quá trình công tác tại công trường (trừ khi có sự đồng ý của Bên A) và chỉ được sử dụng thuốc lá tại khu vực quy định của Nhà máy, trường hợp vi phạm bên B sẽ bị phạt theo quy định của hợp đồng.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng và ngay cả sau khi đã kết thúc Hợp đồng, khi không có sự cho phép của Bên A, Bên B không được tiết lộ, sử dụng bất kì thông tin nào có được trong quá trình giao dịch bằng văn bản, lời nói, tài liệu điện tử hay bất kì hình thức nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về bí mật kinh doanh, tình hình tài chính, quy định, sản phẩm, công nghệ, nhân sự của Bên A trừ trường hợp đây là các thông tin đã được công bố rộng rãi hoặc buộc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-DKCT]*.
3. Thuế GTGT ghi ở khoản 1 Điều này khi xuất hóa đơn và thanh toán có thể được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT hiện hành.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-DKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Bảo hành:

1. Thời gian, địa điểm bảo hành:
 - + Đối với hàng hóa hạng mục 2, 5 là tối thiểu 12 tháng kể từ ngày hoàn thành lắp đặt, chạy thử nghiệm hoặc 15 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng đạt yêu cầu, tùy điều kiện nào đến trước.
 - + Đối với dịch vụ là 03 năm kể từ ngày có biên bản nghiệm thu và quyết toán giá trị hoàn thành công việc.
 - + Địa điểm bảo hành: tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.
2. Nội dung bảo hành:

Nội dung bảo hành là khắc phục sửa chữa những hư hỏng của thiết bị liên quan đến phạm vi thực hiện sau khi sửa chữa do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thực hiện công việc bảo trì. Vật tư hư hỏng liên quan trong quá trình sửa chữa bảo hành do lỗi lắp đặt làm hư hỏng bên B phải chịu trách nhiệm.

Nếu sau 05 ngày lịch kể từ ngày Bên A thông báo yêu cầu Bên B thực hiện bảo hành mà Bên B chưa thực hiện sửa chữa, khắc phục sai sót theo trách nhiệm bảo hành thì Bên A tự tổ chức thực hiện hoặc thuê bên thứ ba thực hiện, mọi chi phí liên quan do Bên B chịu trách nhiệm.

3. Bồi thường thiệt hại trong thời hạn bảo hành: Ngoài việc yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo hành, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại do lỗi kỹ thuật, sai sót về kỹ thuật gây hỏng thiết bị của dịch vụ do Bên B cung cấp gây ra trong thời hạn bảo hành.

4. Bảo lãnh bảo hành:

- Sau khi Bên A phát hành biên bản nghiệm thu và quyết toán giá trị hoàn thành công việc (từng đợt), Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành nhằm đảm bảo trách nhiệm bảo hành dịch vụ tương đương 5% giá trị dịch vụ quyết toán từng đợt (đã bao gồm thuế GTGT).
- Hình thức bảo lãnh bảo hành: Thư bảo lãnh của Ngân hàng được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và là bảo lãnh không huỷ ngang, vô điều kiện.
- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực đến hết 28 ngày sau khi hết thời hạn bảo hành. Tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà xét thấy nghĩa vụ bảo hành chưa kết thúc thì Bên B có nghĩa vụ gia hạn bảo lãnh bảo hành tương ứng với thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp Bên B không thực hiện gia hạn Bên A có quyền tịch thu 100% giá trị bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh bảo hành sẽ được giải toả trong vòng 20 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu.

Điều 9. Sự kiện bất khả kháng

Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

- a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên;
- b) Không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng;
- c) Đã xảy ra mà một bên không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý, và
- d) Thực tế không thể quy cho bên kia.

Điều 10. Hiệu lực của hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hợp đồng kết thúc và xem như đã thanh lý trên cơ sở các Bên hoàn thành trách nhiệm của mình theo quy định trong hợp đồng này.

Điều 11. Các quy định chung:

1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Các vấn đề không được đề cập trong hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thỏa thuận đều phải được thể hiện bằng văn bản.
3. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản gốc, Bên B giữ 02 (hai) bản gốc.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.